

NGUYỄN THỊ BÍCH NGOAN*
VŨ THỊ THU HÀ**

DU LỊCH TÔN GIÁO: KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG VÀ TIỀM NĂNG

Tóm tắt: Du lịch những năm gần đây được xác định là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn tại Việt Nam. Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo. Tôn giáo, tín ngưỡng là một trong những thành tố quan trọng tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Nhưng đến nay, du lịch tôn giáo vẫn là khái niệm tương đối mới tại Việt Nam. Tuy nhiên, chủ đề này đã được các học giả trên thế giới quan tâm nghiên cứu từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX. Trên cơ sở phân tích, tổng hợp và so sánh các nghiên cứu trên thế giới về du lịch tôn giáo, bài viết làm rõ khái niệm, đặc trưng và tiềm năng của loại hình du lịch này.

Từ khóa: Du lịch; tôn giáo; tâm linh; văn hóa; kinh tế; xã hội.

Mở đầu

Tại Việt Nam và nhiều nước trên thế giới, du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, đem lại nhiều lợi ích cho sự phát triển kinh tế-xã hội, văn hóa,... Cho tới nay đã có rất nhiều loại hình du lịch khác nhau và được nhiều người biết đến như: du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch thể thao, du lịch lễ hội, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch kết hợp với công việc, v.v... Ở Việt Nam, qua các kênh truyền thông và nghiên cứu khoa học, một số người cũng biết tới các loại hình du lịch tâm linh và du lịch tôn giáo. Trong nghiên cứu *Exploitation of spiritual tourism in tourism in Thua Thien Hue province, Vietnam: A perspective from tourism companies* của tác giả Ho Thi Huong Lan tại Đại học Huế công bố năm 2019 trên tạp chí *Hue University Journal of Science*:

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

** Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 29/06/2023; Ngày biên tập: 11/07/2023; Duyệt đăng: 21/07/2023.

Economics and Development, Vol. 128, No. 5C cho rằng, tâm linh và tôn giáo không giống nhau, mặc dù cả hai thuật ngữ này thường được dùng hoán đổi với cùng nghĩa cho nhau và có rất ít khác biệt. Từ phân tích này và kế thừa quan điểm của các học giả nước ngoài, tác giả Ho Thi Huong Lan khẳng định du lịch tâm linh và du lịch tôn giáo được định nghĩa khác nhau. Dựa vào quan điểm của Ruth Blackwell, Ho Thi Huong Lan định nghĩa du lịch tôn giáo bao gồm tất cả các loại hình du lịch mà được thúc đẩy bởi tôn giáo tới địa điểm tôn giáo [Ho Thi Huong Lan, 2019: 115]. Tuy nhiên, bài viết này lại không tập trung vào chủ đề du lịch tôn giáo. Nghiên cứu mới nhất về du lịch tâm linh ở Việt Nam là bài viết *Tâm linh và du lịch tâm linh ở Việt Nam: Góc nhìn lý thuyết về thị trường tôn giáo* của Đinh Hồng Hải đăng trên *Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 5 (2019) năm 2021. Đây là một bài viết khảo cứu khá công phu về một chủ đề mới là du lịch tâm linh, rất gần với chủ đề bài viết của chúng tôi. Tác giả Đinh Hồng Hải đã phân tích từ nguyên nhân và thực tế tình hình du lịch tâm linh ở Việt Nam để đi tới định nghĩa khái niệm du lịch tâm linh. Theo đó, du lịch tâm linh được hiểu là “loại hoạt động được hình thành bởi hai mục đích chính là du lịch và hành hương” [Đinh Hồng Hải, 2021: 83]. Tác giả Đinh Hồng Hải cũng chú ý tới mối quan hệ khăng khít giữa du lịch tâm linh và nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo. Tất nhiên, tác giả Đinh Hồng Hải chưa đặt ra vấn đề “du lịch tôn giáo”. Nhìn rộng hơn thì ở Việt Nam nói chung, có lẽ cũng chưa có nhiều nghiên cứu về loại hình du lịch có tên gọi là “du lịch tôn giáo”. Không ít người cũng mới chỉ nghe qua loại hình du lịch này mà không biết rõ được nội hàm khái niệm, đặc trưng của loại hình du lịch tôn giáo như thế nào, cũng như các lợi ích, tiềm năng mà du lịch tôn giáo đem lại cho văn hóa, xã hội và kinh tế ra sao.

Trái lại, trong giới học thuật ở nhiều nước trên thế giới, thuật ngữ “du lịch tôn giáo” đã không còn xa lạ. Với học thuật phương Tây, từ đầu những năm 1980, các nghiên cứu về du lịch gắn liền với tôn giáo đã xuất hiện trên nhiều tạp chí chuyên nghiên cứu về du lịch. Điển hình như nghiên cứu “*The Sociology of Tourism: Approaches, Issues, And Findings*” của Erik Cohen công bố trên *Annual Review of Sociology* vào năm 1984. Trong đó Cohen có đề cập tới quan niệm xem du lịch có

điểm tương đồng với hành hương tôn giáo khi cả hai đều hướng tới việc tìm kiếm các trải nghiệm đích thực cho du khách. Hay nghiên cứu “*Serious Pilgrims and Frivolous Tourists The Chimera of Tourism in the Pilgrimages of Sri Lanka*” của Bruan Pfaffenberger công bố trên *Annals of Tourism Research* vào năm 1983. Bằng các phân tích về hành hương ở các địa điểm liên quan tới tôn giáo như Phật giáo, Ấn Độ giáo ở Sri Lanka, Pfaffenberger phát hiện ra các tương đồng giữa khái niệm du lịch và hành hương. Trong bài viết của mình, tác giả này đưa ra rất nhiều thuật ngữ chỉ ra mối liên quan giữa tôn giáo và du lịch như: du khách tôn giáo (religious tourist), tiệc đi cắm trại tôn giáo (religious picnic party) và du lịch tôn giáo (religious tourism). Tuy nhiên, các nghiên cứu trong những thập niên 80 của thế kỷ XX vẫn chưa đề xuất một loại hình du lịch là “du lịch tôn giáo” [Bona Kim, Seongseop (Sam) Kim and Brian King, 2019: 1].

Đến năm 1992, trong nghiên cứu “*Religious sites as tourism attractions in Europe*” của Mary Lee Nolan đăng trên *Annals of Tourism Research*, du lịch tôn giáo đã được trình bày như một loại hình hay một hệ thống du lịch của châu Âu. Hay nghiên cứu của Valene L. Smith về sự phân biệt giữa hành hương, du lịch tôn giáo và du lịch thể tục công bố trên tạp chí *Annals of Tourism Research* vào năm 1992. Sự nở rộ các nghiên cứu về loại hình du lịch tôn giáo bắt đầu từ nửa cuối những năm 1990 cho tới những năm 2000. Các nghiên cứu được thực hiện dựa trên nhiều cách tiếp cận khác nhau từ Nhân học, Xã hội học và Sử học. Các học giả đã cố gắng phân tích những động lực đặc trưng thúc đẩy du khách hành hương. Nhiều động lực thúc đẩy du lịch tôn giáo đã được các học giả làm rõ. Đồng thời, du lịch tôn giáo cũng được các nghiên cứu đặt trong nhiều bối cảnh phát triển du lịch khác nhau như [Bona Kim, Seongseop (Sam) Kim and Brian King, 2019: 3]: du lịch bền vững, du lịch hành hương, du lịch sinh thái, v.v...

Bên cạnh đó, các nghiên cứu từ cuối những năm 1990 và đầu những năm 2000 cũng đã chỉ ra những lợi ích rõ rệt mà du lịch tôn giáo có thể đem lại cho các cộng đồng địa phương và xã hội [Bona Kim, Seongseop (Sam) Kim and Brian King, 2019: 4]. Ví dụ như

nghiên cứu “*Sustainable tourism: learning from Indian religious traditions*” của Gupta, V đăng trên *International Journal of Contemporary Hospitality Management* vào năm 1999. Trong nghiên cứu này, Gupta, V đã chỉ ra những lợi ích của du lịch tôn giáo ở Ấn Độ như: tăng thêm thu nhập cho các hộ gia đình nghèo, thúc đẩy bình đẳng giới, tăng cường sự giao lưu và dung hòa sự khác biệt về tôn giáo, v.v. Hay nghiên cứu “*Local Perspectives on the Impact of Tourism on Religious Festivals in Bhutan*” của Wantanee Suntikul và Ugyen Dorji đăng trên *Asia Pacific Journal of Tourism Research* vào năm 2015 đã đánh giá những ảnh hưởng của du lịch tôn giáo ở Bhutan. Trong khi đó, một số các nghiên cứu khác vào những năm 2000 tập trung chỉ ra một số đặc trưng của du lịch tôn giáo.

Như vậy, du lịch tôn giáo là một chủ đề thu hút sự chú ý của giới học thuật trong vòng vài thập niên trở lại đây. Tuy nhiên, về mặt lý thuyết, du lịch tôn giáo vẫn là một chủ đề mới đối với nhiều người ở Việt Nam. Đây cũng chính là khoảng trống trong nghiên cứu Tôn giáo ở Việt Nam, một lĩnh vực nghiên cứu mang tính chất liên ngành và đa ngành cao. Xuất phát từ tình hình nghiên cứu như vậy, trong bài viết này chúng tôi tập trung phân tích vào ba vấn đề chính: (1) Khái niệm du lịch tôn giáo; (2) Đặc trưng của du lịch tôn giáo; (3) Những tiềm năng của du lịch tôn giáo. Phương pháp mà chúng tôi tiến hành nghiên cứu chủ yếu là phương pháp phân tích tài liệu. Đây là một phương pháp nghiên cứu định tính, sử dụng cả tài liệu điện tử và tài liệu in, nhằm phân tích, tổng hợp từ đó đạt được sự hiểu biết về ý nghĩa của du lịch tôn giáo, đem lại một cách nhìn hệ thống về một số vấn đề của du lịch tôn giáo. Cần nói thêm rằng, các tài liệu mà chúng tôi sử dụng ở đây chủ yếu là tiếng Anh và tiếng Việt. Bên cạnh đó, chúng tôi còn sử dụng phương pháp so sánh. Cụ thể ở đây là so sánh giữa du lịch tôn giáo với du lịch tâm linh, hành hương và du lịch thể tục để từ đó làm nổi bật đặc trưng của du lịch tôn giáo. Tiếp theo, bài viết của chúng tôi còn sử dụng phương pháp tổng hợp. Chúng tôi tổng hợp và kế thừa chủ yếu các quan điểm của các học giả trong giới học thuật trên thế giới về du lịch tôn giáo. Mong muốn của bài viết là truyền tải và cập nhật các nghiên cứu về chủ đề này để từ đó có thể đem lại một số gợi ý cho các nghiên cứu tiếp theo ở Việt Nam.

1. Khái niệm du lịch tôn giáo

Trước năm 1990, những ý tưởng về mối liên hệ giữa hành hương và du lịch đã được nhen nhóm trong giới học thuật ở phương Tây. Thế nhưng, các nghiên cứu chủ yếu mới chỉ chấp nhận tôn giáo có ý nghĩa quan trọng trong du lịch mà chưa đi tới xem xét du lịch tôn giáo như là một loại hình đặc biệt của du lịch [Daniel Iliev, 2020: 132]. Phải đến đầu những năm 1990, khái niệm du lịch tôn giáo mới được hình thành. Cụ thể, trên tạp chí *Annals of Tourism Research* in tại Mỹ vào năm 1992 đã xuất hiện một số bài bàn về khái niệm du lịch tôn giáo. Trong đó, Mary Lee Nolan và Sidney Nolan tại Mỹ đã có bài viết phân tích về vai trò của các địa điểm tôn giáo đối với sự hấp dẫn du khách ở châu Âu. Theo Mary Lee Nolan và Sidney Nolan, thuật ngữ du lịch tôn giáo được giáo hội Công giáo ở châu Âu sử dụng trong bối cảnh có nhiều vấn đề phát sinh về việc cần phải quản trị hàng loạt các điểm du lịch gắn với đức tin Công giáo của họ. Thuật ngữ du lịch tôn giáo ở đây được hiểu như là “một hệ thống bao gồm hàng loạt các địa điểm thánh thiêng, từ nhà thờ lớn nhất tới nhà nguyện nhỏ nhất ở nông thôn, các cơ sở dịch vụ đi kèm với các cơ sở tôn giáo này, và khách du lịch từ những người sùng tín tôn giáo cho tới những người thế tục” [Mary Lee Nolan và Sidney Nolan, 1992: 69]. Khái quát rộng hơn, Mary Lee Nolan tiến tới định nghĩa về du lịch tôn giáo ở châu Âu như sau: “Hệ thống du lịch tôn giáo của châu Âu bao gồm các đền thờ hành hương, các địa điểm thiêng có nghĩa về mặt nghệ thuật và/hoặc lịch sử mà không phải thuộc về các trung tâm hành hương, các lễ hội tôn giáo, và rất nhiều phức hợp của các yếu tố cơ bản này” [Mary Lee Nolan và Sidney Nolan, 1992: 77].

Công bố trên cùng tạp chí *Annals of Tourism Research* vào năm 1992, Gisbert Rinschede tại Đại học Regensburg của Đức đã đưa ra định nghĩa về du lịch tôn giáo từ cách tiếp cận về chủ thể tham gia du lịch tôn giáo và động lực thúc đẩy du lịch tôn giáo. Theo Gisbert Rinschede, “du lịch tôn giáo là loại du lịch mà người tham gia được thúc đẩy một phần hay hoàn toàn bởi các lý do tôn giáo” [Gisbert Rinschede, 1992: 52]. Du lịch tôn giáo không tách rời với các loại du lịch khác như du lịch nghỉ dưỡng và du lịch văn hóa. Gisbert

Rinschede cho rằng, do sự gia tăng di động, các địa điểm tôn giáo nhỏ sẽ trở nên mất đi ý nghĩa quan trọng đối với thu hút du khách. Thay vào đó, các địa điểm tôn giáo có quy mô lớn hơn với phạm vi mang tính liên vùng, quốc gia và quốc tế sẽ giành lấy vị trí quan trọng [Gisbert Rinschede, 1992: 65]. Trong nghiên cứu năm 1996, Lefebvre định nghĩa: “Du lịch tôn giáo bao gồm hàng loạt các địa điểm tâm linh và các dịch vụ đi kèm, mà người tới thăm được thúc đẩy bởi cả các lý do tôn giáo và thể tục” [Dẫn theo Ruth Blackwell, 2007: 37]. Mặc dù đã có những định nghĩa bước đầu, nhưng cho tới năm 1998, vẫn có nhà nghiên cứu như Vukonic cho rằng, du lịch tôn giáo dường như vẫn nằm ngoài sự quan tâm của cộng đồng khoa học [Boris Vukonic, 1998: 83]. Tuy nhiên, Vukonic khẳng định, tôn giáo và du lịch dễ dàng gắn liền với nhau nếu nhìn theo góc độ hành vi tiêu dùng của con người. Nhìn chung, vào những năm 1990, khái niệm du lịch tôn giáo đã được giới thiệu. Mối quan hệ du lịch tôn giáo và hành hương đã bước đầu được chú ý phân tích.

Khái niệm du lịch tôn giáo tiếp tục được phát triển, bổ sung các chi tiết vào những năm 2000. Các nhà nghiên cứu trong thời gian này đã chỉ ra các điểm tương đồng và khác biệt giữa các khái niệm khác nhau nhưng có ý nghĩa gần nhau: hành hương, du lịch tôn giáo, và du lịch tâm linh [Dejan Iliev, 2020: 133]. Trong bài viết về các động lực của du lịch tôn giáo công bố năm 2007, Ruth Blackwell dẫn lại định nghĩa về du lịch của Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO) như sau: “Các hoạt động của con người đi tới, lưu trú tại những nơi ngoài môi trường thông thường của họ trong thời gian không quá một năm vì mục đích nghỉ dưỡng, công việc hoặc các mục đích khác” [Ruth Blackwell, 2007: 36]. Theo Ruth Blackwell, những người du lịch tôn giáo phù hợp với định nghĩa này của UNWTO khi họ đều rời khỏi nơi cư trú để đến một nơi khác và vì mục đích khác ở đây là mục đích tôn giáo. Từ phân tích như vậy, cùng với việc đánh giá định nghĩa du lịch tôn giáo của Lefebvre (1996) và những quan điểm của Tamil Nadu và Shackley (2003) về du lịch tôn giáo, Ruth Blackwell rút ra định nghĩa du lịch tôn giáo như sau: Du lịch tôn giáo bao gồm hầu hết các loại du lịch được thúc đẩy bởi tôn giáo và điểm đến là địa điểm tôn giáo. Những địa điểm này không nhất thiết gắn kết với các tôn giáo hiện tại, mà

ngay cả các tôn giáo không còn tồn tại nhưng vẫn để lại các dấu tích như đền, nhà thờ, tượng và các di sản văn hóa [Ruth Blackwell, 2007: 37]. Cùng tập trung vào khía cạnh địa điểm tôn giáo, trong năm 2017, một số nhà nghiên cứu từ Đại học Bang Kazan của Nga đưa ra định nghĩa cụ thể về du lịch tôn giáo: “Du lịch tôn giáo là sự rời khỏi của một người khỏi một nước cư trú trong một khoảng thời gian ít hơn sáu tháng để thăm các địa điểm thiêng và các trung tâm tôn giáo. Mặt khác, khái niệm này xem du lịch tôn giáo như một loại hoạt động nhằm cung cấp các dịch vụ tới du khách du lịch vì các mục đích tôn giáo. Nhìn chung, du lịch tôn giáo được phân thành: du lịch hành hương và du lịch tôn giáo tập trung vào mục đích tham quan” [Mojschevich Eidelman Boris, Raisovna Fakhrutdinova Liliya, Aleksandrovich Bunakov Oleg, Kamilevich Gabdrakhmanov Niyaz, and Valerevna Grigorieva Elena, 2017: 98].

Nhấn mạnh tới tính chất hướng đích tôn giáo của du lịch tôn giáo, các nghiên cứu của Andriotis (2009) và Rodrigues & McIntosh (2014) đưa ra định nghĩa về du lịch tôn giáo như một loại hình du lịch bao gồm những du lịch tìm kiếm sự thỏa mãn các nhu cầu mang chiều kích hiện tại và cao hơn của chính họ, như là các nhu cầu về tâm linh, chiêm nghiệm, yên bình và dẫn đường [Bona Kim, Seongseop (Sam) Kim and Brian King, 2019: 1]. Cùng nhấn mạnh về tính chất hướng đích tôn giáo của du lịch tôn giáo, nhà nghiên cứu Olsen tại Đại học Brandon của Canada định nghĩa du lịch tôn giáo như là loại du lịch vì mục đích tìm kiếm về chính tôn giáo. Tuy nhiên, sự tìm kiếm này được thực hiện trong bối cảnh của một hệ thống niềm tin, diễn ngôn, và các thực hành mà một cộng đồng cụ thể tuân theo, và sự tìm kiếm đó được một tổ chức tôn giáo quy định nhằm hướng tới việc bảo tồn cộng đồng người theo này [Daniel Olsen, 2013: 36].

Trong khi đó, nghiên cứu công bố vào năm 2007 của các tác giả Zhang Mu, Huang Li, Wang Jian-Hong, Liu Ji, Jie Yan-Geng và Lai Xiting tại Trung Quốc lại cho rằng, du lịch tôn giáo được thúc đẩy bởi cả hai mục đích: tôn giáo và văn hóa. Tập trung vào các mục đích tôn giáo, thì du lịch tôn giáo được định nghĩa là loại hoạt động luôn diễn ra đi kèm với sự phát triển về tôn giáo và niềm tin tôn giáo như là một mục đích chính. Đó là loại hình du lịch đặc biệt đi kèm với thuyết giáo,

cùng các nhà thuyết giáo, tìm kiếm các kinh sách và như một hành động hành hương mà một người bắt đầu bằng việc rời khỏi nơi cư trú thường xuyên để tiến hành “một hành trình” [Zhang Mu, Huang Li, Wang Jian-Hong, Liu Ji, Jie Yan-Geng and Lai Xiting, 2007: 101]. Tuy nhiên, theo các tác giả này, tôn giáo và văn hóa có mối quan hệ gắn bó với các hoạt động du lịch. Cho nên du lịch tôn giáo còn gọi là du lịch văn hóa-tôn giáo. Du lịch tôn giáo có thể bao gồm cả du lịch không phải vì mục đích truyền giáo nhưng tới các địa điểm của tôn giáo để ngắm cảnh và khám phá văn hóa tôn giáo. Do đó, du lịch tôn giáo có thể được hiểu là “loại hoạt động du lịch đặc biệt được định hướng bởi văn hóa tôn giáo, với sự hỗ trợ của môi trường văn hóa-sinh thái cụ thể, và để chỉ các hoạt động du lịch đặc biệt như thờ phượng, nghiên cứu, ngắm cảnh và văn hóa được thực hiện bởi cả các du khách là tín đồ tôn giáo và người không tôn giáo” [Zhang Mu, Huang Li, Wang Jian-Hong, Liu Ji, Jie Yan-Geng and Lai Xiting, 2007: 101].

Nhìn theo cách tiếp cận về khả năng đóng góp cho sự phát triển bền vững, nhà nghiên cứu Dejan Iliev cho rằng, du lịch tôn giáo là một hình thức du lịch thay thế, nhờ những ảnh hưởng về mặt tác động về mặt văn hóa-xã hội, cũng như đóng góp của hình thức du lịch này đối với cộng đồng địa phương và phát triển bền vững. Mặt khác, nhờ có nguồn lực du lịch tôn giáo phong phú và đa dạng cũng như sự tăng trưởng mạnh mẽ của nhu cầu tiêu dùng của du khách, du lịch tôn giáo là một trong những phân khúc phát triển nhanh nhất trong ngành công nghiệp du lịch hiện nay [Dejan Iliev, 2020: 138].

Có thể thấy, cho tới nay chưa có một định nghĩa thống nhất chung nào về du lịch tôn giáo. Các định nghĩa về du lịch tôn giáo dựa trên nhiều cách tiếp cận khác nhau. Có nghiên cứu nhấn mạnh tới mục đích tôn giáo, địa điểm tôn giáo trong du lịch tôn giáo, có nghiên cứu tập trung vào khía cạnh ý nghĩa tôn giáo và ý nghĩa văn hóa trong du lịch tôn giáo. Mặt khác, có các nghiên cứu khác lại làm nổi bật về các tác động của du lịch tôn giáo và xem du lịch tôn giáo là một trong những ngành công nghiệp du lịch, vận hành theo quy luật cung cầu của thị trường. Mặc dù có những điểm nhấn khác nhau, nhưng hầu hết các học giả trên thế giới khi định nghĩa về du lịch tôn giáo đều thống nhất ở chỗ: Du lịch tôn giáo được thúc đẩy bởi tôn giáo.

Từ phân tích các định nghĩa của một số học giả như trên, chúng tôi cho rằng du lịch tôn giáo là một ngành công nghiệp du lịch, được thúc đẩy bởi các động lực tôn giáo cũng như các lý do thể tục, mà du khách của du lịch tôn giáo có điểm đến là các di tích và địa điểm tôn giáo, nhằm thỏa mãn các nhu cầu về tôn giáo cũng như các nhu cầu về tâm linh, văn hóa, xã hội, giáo dục, và giải trí. Du lịch tôn giáo là một loại hình đặc biệt của du lịch và được xem như là một cuộc hành trình thiêng của du khách. Du lịch tôn giáo bao gồm một loạt các hoạt động: hành hương, truyền giáo, tĩnh tâm, cắm trại đức tin, hội thảo, tọa đàm, lễ hội và một số hoạt động du lịch khác như tham quan, giải trí.

2. Đặc trưng của du lịch tôn giáo

Du lịch tôn giáo thường được xem là loại hình du lịch đặc biệt, có những điểm độc đáo, khác biệt so với các loại hình du lịch khác, thậm chí khác với cả loại hình du lịch tâm linh. Tất nhiên, du lịch tâm linh không phải là chủ đề chính mà bài viết chúng tôi hướng tới. Nhưng để làm rõ đặc trưng của du lịch tôn giáo, chúng tôi muốn đặt ra đối sánh giữa du lịch tôn giáo và du lịch tâm linh, để từ đó làm nổi bật điểm đặc trưng của du lịch tôn giáo. Du lịch tâm linh và du lịch tôn giáo đôi khi còn được sử dụng hoán đổi cho nhau, với ý nghĩa tương đương nhau. Vì thực tế, các du khách của hai loại hình du lịch này đều đến thăm một số địa điểm giống nhau và mục đích giống nhau.

Trong thực tế, du lịch tâm linh có nghĩa rộng hơn du lịch tôn giáo. Du lịch tâm linh (spiritual tourism) có mục đích là khám phá các yếu tố nằm ngoài khả năng của bản thân mỗi người và góp phần vào sự cân bằng thân thể - tâm hồn - tâm linh của người đó. Khách du lịch tâm linh thường di chuyển ra ngoài nơi sinh sống quen thuộc của họ để đạt được sự tăng trưởng tâm linh. Sự tăng trưởng tâm linh này có thể liên quan tới tôn giáo và tín ngưỡng, hoặc không liên quan tới tôn giáo và tín ngưỡng, liên quan tới sự linh thiêng hoặc cũng chỉ là trải nghiệm với tự nhiên. Vì thế mà các địa điểm dành cho du lịch tâm linh bao gồm cả các địa điểm tôn giáo và không tôn giáo. Ví dụ như: đền, chùa, đình, nơi tưởng niệm, nhà thờ, lăng tẩm, các vùng đất có cảnh đẹp, hay các vùng đất có các lối sống địa phương và truyền thống văn hóa đặc sắc.

Du lịch tâm linh có thể được chia thành một số nhóm như [Daniel Olsen, 2013: 40]: (1) *Chữa lành*. Đây là trải nghiệm du lịch tâm linh hướng tới các thực hành tìm kiếm việc sửa đổi các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày; (2) *Chiêm nghiệm*. Đây là dạng trải nghiệm mà các du khách du lịch tâm linh tìm kiếm các thay thế cho cuộc sống hằng ngày của họ. Vì thế họ du lịch để chiêm nghiệm những nền văn hóa và các trường phái tư tưởng tâm linh và tôn giáo khác nhau; (3) *Truy tầm*. Khách du lịch tâm linh nhận thấy việc khám phá cá nhân và tìm kiếm ý nghĩa như một sự truy tầm. Du lịch với họ trở thành bước trung gian để từ đó mà các trải nghiệm tâm linh diễn ra. Do đó, trải nghiệm du lịch tâm linh với họ không phải là nơi chốn hay điểm đến mà quan trọng là một hành trình; (4) *Tĩnh tâm*. Đây là dạng du lịch tâm linh nhằm thoát khỏi cuộc sống hằng ngày về mặt không gian địa lý - xã hội. Khách du lịch tâm linh theo dạng này sẽ muốn di chuyển tới những nơi rất khác biệt so với môi trường quen thuộc của họ; (5) *Tập thể*. Đây là dạng du lịch tâm linh mà du khách di chuyển tới các địa điểm du lịch tâm linh để có được một kỳ nghỉ tâm linh. Khác với các hoạt động du lịch tâm linh mang tính cá nhân, với dạng du lịch tâm linh tập thể, du khách sẽ tìm kiếm các nơi mà ở đó có các du khách khác cùng tới và cùng tìm kiếm sự liên kết về mặt tâm linh với nhau.

Trong khi đó, du lịch tôn giáo cũng có thể kết hợp với các địa điểm không phải tôn giáo và các lý do ngoài tôn giáo. Nhưng điểm cốt lõi của du lịch tôn giáo vẫn là dựa vào sự thúc đẩy bởi động lực tôn giáo. Ngay cả du lịch để nghỉ dưỡng hay vì các lý do cá nhân khác thì trong du lịch tôn giáo, các lý do này cũng được gắn liền với các địa điểm tôn giáo hoặc thực hiện các nhiệm vụ cũng như các mục tiêu của một chuyến hành trình dài hơn liên quan tới tôn giáo. Đó là các hành trình du lịch như hành hương hay thăm các địa điểm được xem là thiêng, hay các chuyến đi truyền giáo. Chính vì đặc điểm này mà du lịch tôn giáo còn được gọi là du lịch “đức tin” [Malek Aziz Mousa Bader, 2012: 45].

Du lịch tôn giáo cũng khác với hành hương và du lịch thể tục. Nếu khách hành hương được thúc đẩy bởi các động lực tâm linh, du khách nói chung được thúc đẩy bởi các động lực thể tục thì với du lịch tôn giáo, du khách được thúc đẩy bởi cả hai động lực: tâm linh và thể tục.

Trong thực tế, du lịch tôn giáo thu hút các du khách không chỉ tham gia để học hỏi về tôn giáo mà còn cả về các di sản lịch sử, văn hóa và nghệ thuật tại các địa điểm tham quan, để đạt được các tri thức mới. Theo quan điểm của nhà nghiên cứu Valene L. Smith, du lịch tôn giáo giống như điểm nằm giữa hành hương và du lịch [Valene L. Smith, 1992: 1-17]. Dựa vào đặc điểm du khách tham gia vào các hoạt động du lịch, Smith phân biệt giữa hành hương, du lịch tôn giáo, và du lịch thể tục qua sơ đồ như sau:

Hành hương	Du lịch tôn giáo		Du lịch	
a	b	c	d	e
Thiêng	Dựa vào đức tin/tri thức		Thế tục	
a. Khách hành hương sùng tín				
b. Nghiêng về khách hành hương nhiều hơn là khách du lịch				
c. Khách hành hương cũng là khách du lịch				
d. Nghiêng về khách du lịch nhiều hơn khách hành hương				
e. Khách du lịch thế tục				

Nguồn: Valene L. Smith (1992), Introduction The Quest in Guest, *Annals of Tourism Research*, Vol. 19: 4.

Để hiểu rõ sơ đồ trên, ở đây chúng tôi giới thiệu cách giải thích của nhà nghiên cứu I.C. Alecu tại Romania [I. C. Alecu, 2010: 61]. Cụ thể, với những người thuộc trường hợp a, niềm tin là động lực căn bản và người hành hương dành trọn vẹn cho mục đích của họ là con đường tâm linh. Với những người thuộc trường hợp b, động lực niềm tin mạnh hơn động lực du lịch, và điều này đúng với phần lớn người hành hương. Trong trường hợp c, việc đi du lịch được thúc đẩy bằng nhiều động lực, kể cả nhu cầu về tâm linh, khám phá văn hóa và đạt được những trải nghiệm mới. Trong trường hợp d, người đi du lịch có các nhu cầu về giải trí, tham quan các địa điểm tôn giáo, nhưng xem đó như một nguồn tri thức và thư giãn tích cực. Trong trường hợp e, du khách đi du lịch để thỏa mãn các nhu cầu du lịch thông thường như giải trí và thư giãn.

Mặc dù vậy, nhiều nhà nghiên cứu không muốn vạch ra một ranh giới quá rõ ràng về mặt động lực du lịch để phân biệt giữa du lịch tôn giáo và du lịch thể tục. Du lịch tôn giáo vì thế cần được xem như là sự hòa trộn cả những yếu tố cuốn hút của tôn giáo, cũng như các yếu tố của du lịch nói chung [I. C. Alecu, 2010: 60]. Du lịch tôn giáo vì thế có những điểm giao nhau với cả hành hương và du lịch thể tục. Nhà nghiên cứu Da Graca Mouga Pocas Santos (2003) đã cụ thể hóa đặc trưng của du lịch tôn giáo thành năm điểm như sau: (1) Du lịch tự nguyện, nhất thời và không trả phí; (2) Thúc đẩy bởi tôn giáo; (3) Hỗ trợ bởi các động lực khác; (4) Điểm đến là địa điểm tôn giáo (mang tính địa phương, vùng, quốc gia hay quốc tế); (5) Đi tới nơi không phải là một thực hành tôn giáo. Tuy nhiên, việc khuôn du lịch tôn giáo vào các đặc điểm như thế này lại loại trừ hành hương cũng như các sự kiện và lễ hội tôn giáo ra khỏi du lịch tôn giáo [Ruth Blackwell, 2007: 38]. Cho tới nay nhiều học giả cho rằng, du lịch tôn giáo không chỉ bao gồm hành hương và các chuyến du lịch truyền giáo mà còn gồm cả các hoạt động và nội dung khác như: giải trí, hội thảo tôn giáo, tĩnh tâm, cắm trại, tình nguyện, sinh hoạt giới trẻ, tụ họp gia đình, v.v. Những hoạt động này được gom lại thành các nhóm chính như: hành hương, hội thảo, tọa đàm, tĩnh tâm, và lễ hội [Daniel Iliev, 2020: 134].

3. Tiềm năng của du lịch tôn giáo

Du lịch tôn giáo không chỉ là một hiện tượng văn hóa-xã hội mà còn là một thành phần của ngành công nghiệp du lịch. Cho tới nay, du lịch tôn giáo là một trong những loại hình du lịch phát triển nhanh nhất trên thế giới. Thống kê của Tổ chức Hiệp hội Du lịch Tôn giáo Thế giới (World Religious Travel Association) vào năm 2008 cho biết, du lịch đức tin đạt doanh thu 18 tỷ USD trên toàn cầu với 300 triệu du khách và 600 triệu chuyến đi với mục đích tôn giáo mỗi năm [Fiete Seyer & Daniel Muller, 2017: 1]. Đó là chưa kể vô số du khách viếng thăm các địa điểm tôn giáo mang tính địa phương và vùng miền ra hàng năm tại các nước. Với sự gia tăng của du khách, du lịch tôn giáo vì thế có tiềm năng rất lớn về kinh tế, văn hóa và xã hội.

Về mặt kinh tế, khi du lịch nói chung và du lịch tôn giáo nói riêng phát triển sẽ thúc đẩy các ngành hỗ trợ phát triển theo như giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, bảo hiểm, sản xuất, dịch vụ

lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí... góp phần tăng cao tỷ lệ lao động có việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Khách du lịch góp phần tăng doanh thu các sản phẩm tại địa phương như hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, nông lâm sản... với giá bán lẻ cao hơn và không tốn nhiều chi phí vận chuyển. Du lịch cũng giúp thúc đẩy hợp tác quốc tế, thu hút nguồn ngoại tệ từ du khách nước ngoài. Sản phẩm du lịch được quảng bá với thị trường khách quốc tế ngay tại điểm du lịch mà không cần thực hiện các chiến dịch truyền thông, quảng cáo.. Nhận thấy du lịch tôn giáo là một loại hình đem lại nhiều lợi ích đối với phát triển kinh tế, nhiều quốc gia đã có các chương trình dự án thúc đẩy loại hình du lịch này. Chẳng hạn Bộ Du lịch thuộc chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã ban hành một dự án có tên gọi là Dự án Du lịch Đức tin (Faith Tourism Project) để làm mạnh hơn loại hình du lịch tôn giáo nói riêng và tổng thể ngành du lịch nói chung. Dự án này nhằm: Đánh giá tiềm năng của du lịch tôn giáo; xác định các địa điểm tôn giáo được xem như là các trung tâm tôn giáo của ba tôn giáo (Islam, Do Thái giáo, và Kitô giáo) bằng việc phục hồi, bảo vệ môi trường, v.v; thúc đẩy các địa điểm tôn giáo này để tăng lượng du khách và thu nguồn ngoại tệ cho nền kinh tế đất nước [Ahmet Aktas và Yakin Ekin, 2007: 181].

Về mặt văn hóa, du lịch tôn giáo góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của một quốc gia bởi tôn giáo, tín ngưỡng là một trong những thành tố quan trọng hình thành nên bản sắc văn hóa. Doanh thu từ vé tham quan phần lớn được sử dụng vào việc tu bổ, mở rộng các di tích, khôi phục các di sản văn hóa phi vật thể, thúc đẩy việc giữ gìn bản sắc văn hóa. Du lịch tôn giáo góp phần giới thiệu văn hóa của mỗi quốc gia ra toàn thế giới, thúc đẩy quá trình giao lưu văn hóa giữa các dân tộc thông qua thu hút khách du lịch tham dự các lễ hội tôn giáo, hành hương... Thông qua du lịch tôn giáo có thể tạo ra nền tảng cho sự tin tưởng và tình hữu nghị giữa các nền văn minh và văn hóa khác nhau, xóa đi những bất đồng giữa các truyền thống đức tin tôn giáo và các tổ chức xã hội, hình thành nên sự bao dung và hiểu biết đầy đủ hơn về cuộc sống để giải quyết các vấn đề về thế giới quan và luân lý [Kurmanaliyeva, Sh. Rysbekova, A. Duissenbayeva, I. Izmailov, 2014: 963].

Về mặt xã hội, niềm tin tôn giáo là sợi dây kết nối con người với nhau, giúp con người dễ hòa hợp với nhau, từ đó xây dựng một xã hội

hài hòa, góp phần nâng cao tinh thần đoàn kết. Các tôn giáo chính thống đều hướng con người đến chân - thiện - mỹ, đạo đức tôn giáo có nhiều điểm tương đồng với đạo đức xã hội. Việc tham gia du lịch tôn giáo làm tăng việc thực hành đức tin trong đó có hành vi hướng thiện, nâng cao đạo đức của du khách. Du lịch tôn giáo cũng góp phần đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận người dân là tín đồ các tôn giáo.

Nhiều khu du lịch tôn giáo hiện nay còn cam kết tham gia vào bảo vệ môi trường, thúc đẩy không gian xanh hoặc thân thiện với môi trường và khuyến khích các hành vi có trách nhiệm với môi trường.

Sự gia tăng nhanh chóng thị phần của du lịch tôn giáo trong ngành công nghiệp du lịch xuất phát từ nhiều yếu tố: Tăng nhu cầu hiểu biết về các tôn giáo khác nhau; hầu hết các chuyến đi du lịch đều bao hàm chiều kích tôn giáo và thăm các địa điểm tôn giáo; các nỗ lực tái tạo rất nhiều địa điểm du lịch dành cho các chuyến đi mang tính chất tôn giáo vào lịch trình truyền thống bằng cách tổ chức việc thăm viếng những địa điểm thiêng [Daniel Iliev, 2020: 137]. Mặc dù có nhiều tiềm năng, du lịch tôn giáo một khi trở thành một ngành công nghiệp cũng đặt ra nhiều vấn đề cần lưu ý: Tôn giáo có nguy cơ bị thương mại hóa, các vấn đề về bản sắc, hàng hóa hóa các sản phẩm liên quan tới hành hương, thương mại hóa văn hóa bản địa, sự sinh tồn của bản sắc văn hóa địa phương, mất đa dạng sinh học do áp lực mở rộng du lịch tôn giáo [Daniel Iliev, 2020: 137]. Ngoài ra, còn có một số vấn đề khác có thể phát sinh khi mở rộng du lịch tôn giáo như: quá tải về cơ sở hạ tầng và dịch vụ, tai nạn, quá đông đúc, trộm cắp, các vấn đề về bảo tồn và quản lý các tòa nhà và địa điểm tôn giáo [Daniel Iliev, 2020: 137].

Kết luận

Du lịch những năm gần đây được xác định là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn tại Việt Nam. Là một quốc gia đa tôn giáo, tôn giáo, tín ngưỡng đã trở thành một trong những thành tố quan trọng tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Nhưng đến nay, du lịch tôn giáo vẫn là khái niệm tương đối mới tại Việt Nam. Tuy nhiên, chủ đề này đã được các học giả trên thế giới quan tâm nghiên cứu từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX. Du lịch tôn giáo có những điểm độc đáo và thể hiện được tiềm năng to lớn đối với sự phát triển nhiều khía cạnh của đời

sống kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, khi du lịch tôn giáo tăng trưởng nhanh cũng tiềm ẩn nhiều vấn đề cần lưu tâm để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của xã hội. Cần có những nghiên cứu chi tiết để phát huy những tiềm năng tích cực và hạn chế được những vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển du lịch tôn giáo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ahmet Aktas và Yakin Ekin (2007), *Case Study 5: The Importance and the Role of Faith (Religious) Tourism as Alternative Tourism Resources in Turkey* trong Razag Raj và Nigel D. Morpeth, *Religious Tourism and pilgrimage festivals management An international Perspective*, CAB International.
2. Bona Kim, Seongseop (Sam) Kim and Brian King (2019), “Religious tourism studies: evolution, progress, and future prospects”, *Tourism Recreation Research*, Issue 2, Volume 45.
3. Daniel Iliev (2020), “The evolution of religious tourism: Concept, segmentation and development of new identities”, *Journal of Hospitality and Tourism Management* 45.
4. Daniel Olsen (2013), “Definitions, motivations and sustainability: the case of spiritual tourism”, trong UNWTO, *First UNWTO International Conference on Spiritual Tourism for Sustainable Development Ninh Binh Province, Vietnam, 21-22 November*: 36.
5. Đinh Hồng Hải (2021), “Tâm linh” và “Du lịch tâm linh” ở Việt Nam: Góc nhìn lý thuyết về thị trường tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5 (209).
6. Fiete Seyer & Daniel Muller (2011), “Religious Tourism Niche or mainstream”, in Alexis Papathanassis (Editor), *The Long Tail of Tourism: Holiday Niches and their Impact on Mainstream Tourism*, Gabler Verlag: 46;
7. Renata Tomljenovic, Larisa Dukic (2017), “Religious Tourism – From a Tourism Production to An Agent of Societal Transformation”, *Religious Tourism and the Contemporary Tourism Market*, sitcon.
8. Ho Thi Huong Lan (2019), “Exploitation of spiritual tourism in Thua Thien Hue province, Vietnam: A perspective from tourism companies”, *Hue University Journal of Science: Economics and Development*, Vol. 128, No. 5C.
9. I. C. Alecu (2010), “Epistemological aspects of religious tourism in rural areas”, *International Journal of Business, Management and Social Sciences*, Vol. 2, No.
10. Gisbert Rinschede (1992), “Forms of religious tourism”, *Annals of Tourism Research*, Vol. 19.
11. Kurmanaliyeva, Sh. Rysbekova, A. Duissenbayeva, I. Izmailov (2014), “Religious tourism as a sociocultural phenomenon of the present “The unique sense today is a universal value tomorrow. This is the way religions are created and values are made”, *Procedia – Social and Behavioral Sciences* 143.

11. Malek Aziz Mousa Bader (2012), *Religious Tourism in Jordan: Current situation, future development and prospects A case study on Islamic and Christian holy sites*, September.
12. Mary Lee Nolan và Sidney Nolan (1992), "Religious sites as tourism attractions in Europe", *Annals of Tourism Research*, Vol. 19.
13. Mojschevich Eidelman Boris, Raisovna Fakhrutdinova Liliya, Aleksandrovich Bunakov Oleg, Kamilevich Gabdrakhmanov Niyaz, and Valerevna Grigorieva Elena (2017), "Religious Tourism in the Tourism System", *Revista San Greogrio*.
14. Ruth Blackwell, Motivations for Religious Tourism, Pilgrimage, Festivals and Events trong Razag Raj và Nigel D. Morpeth (2007), *Religious Tourism and pilgrimage festivals management An international Perspective*, CAB International.
15. Valene L. Smith (1992), "Introduction The Quest in Guest", *Annals of Tourism Research*, Vol. 19.
16. Zhang Mu, Huang Li, Wang Jian-Hong, Liu Ji, Jie Yan-Geng and Lai Xiting (2007), *Religious Tourism and Cultural Pilgrimage: a Chinese Perspective*, CAB International.

Abstract

RELIGIOUS TOURISM: CONCEPT, CHARACTERISTICS AND POTENTIAL

Nguyen Thi Bich Ngoan

*Institute for Religious Studies,
Vietnam Academy of Social Sciences*

Vu Thi Thu Ha

*Institute for Religious Studies,
Vietnam Academy of Social Sciences*

Tourism in recent years has been identified as one of the key economic sectors in Vietnam. Vietnam is a multi-religious country. Religion and belief are one of the important elements that create the cultural identity of Vietnam, but up to now, religious tourism is still a relatively new concept in Vietnam. However, this topic has been studied by scholars around the world since the early 80s of the twentieth century. This article clarifies the conception, characteristics and potential of this type of tourism on the basis of analysis, synthesis and comparison of world studies on religious tourism.

Keywords: Tourism; religion; spirituality; culture; economy; society.